

Số: 222/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐÀ NẴNG, TP ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 446/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

+ Ông **Nguyễn Thành T**, sinh ngày 15/5/1980; Số căn cước công dân: 037080000433 ngày cấp: 10/12/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi đăng ký thường trú: Số A đường V, phố B, phường H, tỉnh Ninh Bình; Địa chỉ chỗ ở hiện nay: K85/17 N, tổ A phường L, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Nguyễn Hương G**, sinh ngày 30/6/1983. Số căn cước công dân: 001183004095 ngày cấp: 10/12/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi đăng ký thường trú: Số A Ngách A L, phường P, thành phố Hà Nội. Địa chỉ chỗ ở hiện nay: K85/17 N, tổ A phường L, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và Nguyễn Hương G kết hôn với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội cũ, nay là phường P, thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01 ngày 07/4/2009), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về chung sống tại Số A đường V, phố B, phường H, tỉnh Ninh Bình, sau đó chuyển đến sinh sống tại tổ A phường L, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Quan điểm sống, tính cách vợ chồng không hoà hợp, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Mâu thuẫn đã trở nên

trầm trọng và kéo dài không thể khắc phục được. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó ông Nguyễn Thành T và Nguyễn Hương G đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng ông, bà thuận tình ly hôn. Xét thấy, ông Nguyễn Thành T và Nguyễn Hương G đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] *Về con chung*: ông Nguyễn Thành T và Nguyễn Hương G thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 04/11/2010 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 12/08/2014. Ly hôn vợ chồng thỏa thuận giao con chung Nguyễn Tuấn N cho bà Nguyễn Hương G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Minh K cho ông Nguyễn Thành Trung trực T1 nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của ông, bà phù hợp với nguyện vọng của các con chung, phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên công nhận thỏa thuận của ông T, bà G.

[3] *Về quan hệ tài sản chung*: ông Nguyễn Thành T và Nguyễn Hương G thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: ông Nguyễn Thành T và Nguyễn Hương G thống nhất xác định không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận ông Nguyễn Thành T và Nguyễn Hương G thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*:

+ Giao con chung Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 04/11/2010 cho bà Nguyễn Hương G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Giao con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 12/08/2014 cho ông Nguyễn Thành Trung trực T1 nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

+ Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: ông Nguyễn Thành T và Nguyễn Hương G xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ông Nguyễn Thành T và Nguyễn Hương G xác định không có.

2. *Về lệ phí Tòa án:* Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Thành T và Nguyễn Hương G tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Nguyễn Thành T và Nguyễn Hương G đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006685 ngày 19/6/2026 của cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đ. Như vậy ông Nguyễn Thành T và Nguyễn Hương G đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND Khu vực 4;
 - THADS thành phố Đà Nẵng;
 - UBND phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội
- (theo GCNKH số số 49, quyển số 01 ngày 07/4/2009)
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cường